TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh

2. Ông Nguyễn Hồng Diện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Linh Thị T, sinh năm 1974 "Có mặt"

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh G

- ***Bị đơn:*** Anh Phan Văn B (tên gọi khác Sằm Văn B), sinh năm 1974; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Linh Thị T trình bày: Chị và anh Phan Văn B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh G. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng

xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2009 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh B nghi ngờ chị không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến nay chị T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Phan Văn B.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phan Văn B xác nhận: Lời khai của chị T về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị T. Hiện nay chị T có yêu cầu xin được ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Chị Linh Thị T và anh Phan Văn B đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu Phan Ngọc A1, sinh ngày 11/8/1993 và cháu Phan Ngọc U, sinh ngày 30/11/2002. Hiện nay, cháu A1 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn, giao cháu Phan Ngọc U, sinh ngày 30/11/2002 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thoả thuận và đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các biên B xác minh ngày 11/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện UBND xã Hùng An nơi chị Linh Thị T và anh Phan Văn B cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Linh Thị T và anh Phan Văn B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh G. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Linh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Phan Văn B và tại phiên tòa vắng mặt anh B nhưng anh B đã có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Phan Văn B cũng nhất trí ly hôn; về con chung: Anh chị tự nguyện thỏa thuận giao cháu Phan Ngọc U, sinh ngày 30/11/2002 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Phan Văn B; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Linh Thị T có đơn khởi kiện *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* với bị đơn là anh Phan Văn B, mà anh Phan Văn B cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết củaToà án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Phan Văn B và anh B đã có mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh Phan Văn B đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc chị Linh Thị T và anh Phan Văn B bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Linh Thị T cần được xử bằng một B án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] Về việc nuôi con: Chị Linh Thị T và anh Phan Văn B tự nguyện thỏa thuận giao cháu Phan Ngọc U, sinh ngày 30/11/2002 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy chị Linh Thị T và anh Phan Văn B thỏa thuận về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Ngọc U nên cần được công nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Linh Thị T và anh Phan Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 57, 68, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh Thị T và anh Phan Văn B;

- ***Về việc nuôi con:*** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Phan Ngọc U, sinh ngày 30/11/2002 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị T, anh B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- ***Về án phí:*** Chị Linh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số:

0000651, ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa án báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh **Nguyễn Hồng Diện** **Hà Tuấn Vĩnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Hùng An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh **Nguyễn Thị Hồng Chuyên** **Đinh Thị Hồng**